

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm và gói thầu.

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Da Liễu.
- Dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm cho Bệnh viện Da Liễu năm 2025 lần 3.
- Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm cho Bệnh viện Da Liễu năm 2025 lần 3.
- Nguồn vốn: Nguồn thu từ viện phí+ BHYT, hoạt động KCB dịch vụ và các nguồn thu hợp pháp khác.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 120 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III năm 2025.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định (**Lưu ý: Giá gói thầu đã bao gồm thuế VAT**).
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng.
- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Da Liễu. Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Thông, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

1.2.1 Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Hàng hóa mới 100%, có nêu tên Thương mại, xuất xứ. Tiêu chuẩn hàng hóa: đạt tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Đóng gói, vận chuyển: theo tiêu chuẩn và khuyến cáo của nhà sản xuất.
- Hạn sử dụng còn lại tính từ thời điểm giao hàng hóa: Đối với hàng hoá có hạn sử dụng từ 2 năm trở lên, khi giao hàng phải còn hạn sử dụng tối thiểu 12 tháng. Đối với các loại hàng hoá có hạn sử dụng từ 01 năm đến dưới 02 năm khi giao hàng còn hạn dùng tối thiểu 06 tháng. Đối với các loại hàng hoá có hạn dưới 01 năm, khi giao hàng phải còn ½ hạn sử dụng của hàng hoá.
- Tiến độ cung cấp hàng hóa phải đáp ứng theo đề xuất của đơn vị khi hoàn thiện ký hợp đồng.
- Hàng hóa được giao cho Bệnh viện phải được bảo hành chất lượng trong suốt thời gian còn hạn sử dụng
- Nhà thầu phải liệt kê đầy đủ thông tin của hàng hóa như: quy cách, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất, xuất xứ...
- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật kèm theo E-HSDT: thông số kỹ thuật trong tài liệu kỹ thuật phải phù hợp, logic với thông số kỹ thuật đề xuất của

nhà thầu.

- Đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật tại mục 1.2.2 Yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa.
- Tất cả các hàng hóa phải có giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa theo quy định hiện hành.

1.2.2 Yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

STT theo mặt hàng	STT theo Phần (lô)	Mã phần(lô)	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản
	1	PP2500415193	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch		
1	1.1			Hóa chất dùng cho xét nghiệm T3	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng triiodothyronine tự do trong huyết thanh và huyết tương.
2	1.2			Hóa chất dùng cho xét nghiệm T4	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng thyroxine tự do trong huyết thanh và huyết tương.
3	1.3			Hóa chất dùng cho xét nghiệm TSH	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng hormon kích thích tuyến giáp ở người trong huyết thanh và huyết tương.
4	1.4			Hóa chất hiệu chuẩn T3	Hoá chất chuẩn để định lượng triiodothyronine tự do trong huyết thanh và huyết tương
5	1.5			Hóa chất hiệu chuẩn T4	Hoá chất chuẩn để định lượng thyroxine tự do trong huyết thanh và huyết tương
6	1.6			Hóa chất hiệu chuẩn TSH	Hoá chất chuẩn để định lượng hormon kích thích tuyến giáp ở người trong huyết thanh và huyết tương
7	1.7			Mẫu chứng cho xét	Hoá chất chứng để định tính Anti-HBe

				nghiệm Anti-HBe	trong huyết thanh và huyết tương
8	1.8			Mẫu chứng cho xét nghiệm HBsAg Qualitative II	Hoá chất chứng để định tính HBsAg trong huyết thanh và huyết tương
9	1.9			Mẫu chứng cho xét nghiệm Anti-HBs	Hoá chất chứng để định lượng Anti-HBs trong huyết thanh hoặc huyết tương
10	1.10			Mẫu chứng cho xét nghiệm Anti-HCV	Hoá chất chứng để định tính Anti-HCV trong huyết thanh và huyết tương
11	1.11			Mẫu chứng cho xét nghiệm B-R-A-H-M-S PCT	Hoá chất chứng để định lượng PCT trong huyết thanh và huyết tương
	2	PP2500415194	Hóa chất xét nghiệm nhuộm Gram		
12	2.1			Chai nhuộm Gram A	Dung dịch đậm đặc không chứa cồn, được pha thành 4,5 lít dung dịch cuối
13	2.2			Chai nhuộm Gram B	Dung dịch sẵn dùng
14	2.3			Chai nhuộm Gram C	Dung dịch sẵn dùng
	3	PP2500415195	Hóa chất, vật tư cho máy xét nghiệm máu lắng miniiSED		
15	3.1			Thẻ nạp mẫu xét nghiệm cho máy đo tốc độ máu lắng	Thẻ kiểm tra Alcor Scientific Inc. Được thiết kế để sử dụng riêng trên miniSED, nhằm mục đích xử lý và phân tích các mẫu Chất liệu: Polyvinyl Chloride (PVC) Tương thích với máy đo tốc độ máu lắng miniiSED

16	3.2			Dung dịch rửa cho máy đo tốc độ máu lắng	Dung dịch rửa máy đo tốc độ máu lắng. Loại dụng: Polyethylene mật độ cao (HDPE) Tương thích với máy đo tốc độ máu lắng miniiSED
17	3.3			Vật liệu kiểm soát xét nghiệm tốc độ máu lắng	Thành phần, nồng độ: gồm các tế bào hồng cầu ổn định của con người lơ lửng trong một chất đệm lỏng và chất bảo quản. Ổn định sau mở nắp trong vòng 60 ngày Tương thích với máy đo tốc độ máu lắng miniiSED
18	3.4			Bình đựng chất thải dùng cho máy đo tốc độ máu lắng	Tương thích với máy đo tốc độ máu lắng miniiSED
	4	PP2500415196	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6/0 kim tam giác		
19	4.1			Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6/0 kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 13 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
	5	PP2500415197	Chỉ không tan tổng		

			hợp đơn sợi Polyamide 7/0 kim tam giác		
20	5.3			Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 7/0 kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 7/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 13 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
	6	PP2500415198	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 3/0 kim tam giác		
21	6.1			Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 3/0 kim tam giác	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 3/0 kim tam giác Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
	7	PP2500415199	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 4/0 kim tam giác		
22	7.1			Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 4/0 kim tam giác	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 4/0 kim tam giác Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
	8	PP2500415200	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 5/0 kim tam giác		

23	8.1			Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 5/0 kim tam giác	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 5/0 kim tam giác Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
	9	PP2500415201	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 6/0 kim tam giác		
24	9.1			Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 6/0 kim tam giác	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 6/0 kim tam giác Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA
	10	PP2500415202	Bút cấy tóc màu xanh		
25	10.1			Bút cấy tóc màu xanh	Ø= 0.8mm
	11	PP2500415203	Bút cấy tóc màu trắng		
26	11.1			Bút cấy tóc màu trắng	Ø= 1.0mm
	12	PP2500415204	Bút cấy tóc màu đỏ		
27	12.1			Bút cấy tóc màu đỏ	Ø= 1.2mm
	13	PP2500415205	Mũi khoan có răng cưa		
28	13.1			Mũi khoan có răng cưa	D=5mm, Ø= 1mm hoặc 0.95mm
	14	PP2500415206	Cây kim thay thế màu xanh		
29	14.1			Cây kim thay thế màu xanh	Ø= 0.8mm
	15	PP2500415207	Cây kim thay thế màu trắng		

30	15.1			Cây kim thay thế màu trắng	Ø= 1.0mm
	16	PP2500415208	Cây kim thay thế màu đỏ		
31	16.1			Cây kim thay thế màu đỏ	Ø= 1.2mm
	17	PP2500415209	Tay điều trị cho máy Alma Rejuve		
32	17.1			Tay điều trị cho máy Alma Rejuve	Tương thích với máy triệt lông Alma Rejuve

***Tổng: 32 mặt hàng, 17 Phần (lô).**

**** Ghi chú:** - Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật khó mô tả, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” so với yêu cầu tối thiểu. (Tương đương được hiểu là tương đương về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ). Nhà thầu có văn bản giải trình, cung cấp tài liệu để chứng minh thông số kỹ thuật nhà thầu chào là tương đương hoặc tốt hơn. Trường hợp nhà thầu không có văn bản giải trình, cung cấp tài liệu chứng minh thì đơn vị tư vấn sẽ đánh giá theo đúng tài liệu kỹ thuật trong E-HSDT của nhà thầu đã chào.

- Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật: Catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật được hãng sản xuất công bố. Nếu tài liệu không phải Tiếng Việt thì phải kèm theo bản dịch sang tiếng Việt và chịu trách nhiệm về nội dung và tính chính xác của bản dịch mà nhà thầu cung cấp trong E-HSDT.

1.2.3. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa là thiết bị y tế và nhà thầu dự thầu:

- Nhà thầu (Tất cả các thành viên liên danh) tham gia đấu thầu phải công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế và cung cấp kèm tài liệu Thông tin (hoặc Phiếu tiếp nhận) Hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D do Sở Y tế có thẩm quyền cấp; Hoặc Đối với Trang thiết bị y tế thuộc loại A hoặc loại B, C, D (được mua, bán như các hàng hóa thông thường theo quy định tại Điều 4 – Thông tư 05/2022/TT-BYT ngày 01/08/2022): Nhà thầu không yêu cầu công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D.

- Hàng hóa sản xuất tại Việt Nam phải Công bố đủ điều kiện sản xuất đối với trang thiết bị y tế sản xuất trong nước của Hãng sản xuất trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế; (Nhà thầu cung cấp Văn bản công bố đủ điều kiện sản xuất; Thông tin (hoặc Phiếu tiếp nhận) Hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế do Sở Y tế có thẩm quyền cấp).
- Bản phân loại trang thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, Nghị định 04/2025/NĐ-CP
 - Trang thiết bị y tế thuộc loại A, B: Có Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B; (Nhà thầu cung cấp Văn bản công bố Tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A hoặc loại B theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP, Nghị định 07/2023/NĐ-CP; Nghị định 04/2025/NĐ-CP; Thông tin (hoặc Phiếu tiếp nhận) Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A hoặc loại B, do Sở Y tế có thẩm quyền cấp)
 - Trang thiết bị y tế thuộc loại C, D: Giấy phép nhập khẩu hoặc giấy phép lưu hành phải còn hiệu lực; (Nhà thầu cung cấp Văn bản đề nghị Cấp mới số lưu hành trang thiết bị y tế; Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành trang thiết bị y tế thuộc loại C, D do Bộ Y tế cấp; Hoặc giấy phép nhập khẩu do Bộ Y tế cấp còn hiệu lực)
 - Đối với trang thiết bị y tế không thuộc danh mục phải cấp phép nhập khẩu (trừ hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế chỉ có một mục đích là khử khuẩn trang thiết bị y tế) (Theo Khoản 18, Điều 1 Nghị định 07/2023/NĐ-CP) thì Nhà thầu phải có tài liệu chứng minh kèm bản phân loại là trang thiết bị y tế thuộc loại C, D được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế;
 - Đối với hàng hóa thuộc trường hợp thuộc Khoản 18, Điều 1 thuộc Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 về việc Sửa đổi, bổ sung Điều 76. Điều khoản chuyển tiếp của Nghị định 98/2021/NĐ-CP thì áp dụng theo quy định tại Khoản 18, Điều 1 thuộc Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023; Nghị định 04/2025/NĐ-CP.
 - Trong quá trình thực hiện, trường hợp các quy định trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định trên

1.3 Các yêu cầu khác:

1.3.1. Bảng kê hợp đồng tương tự theo Mã HS

Nhà thầu chứng minh hợp đồng tương tự thông qua các mặt hàng có cùng mã HS theo hướng dẫn tại ghi chú số (9) và số (10) của Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, nhà thầu kê khai và đính kèm file excel và một bản scan có ký, đóng dấu theo mẫu dưới đây - Phù hợp với Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh mã HS bằng các tài liệu hợp lệ liên quan (tờ khai hải quan,...).

Phụ lục 1

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Giá trị hợp đồng tương tự yêu cầu đối với từng mã HS yêu cầu (Theo bảng X)	Mã HS code của hàng hóa dự thầu	Thông tin hợp đồng tương tự							Ghi chú
					Mã HS code của hàng hóa trong hợp đồng tương tự (kèm theo tài liệu chứng minh)	Số thứ tự hàng hóa theo hợp đồng tương tự	Tên hàng hóa trong hợp đồng tương tự	Số, ngày hợp đồng tương tự	Giá trị hàng hóa theo hợp đồng tương tự (VND)	Giá trị hàng hóa đã nghiệm thu, thanh lý (hoặc giá trị hàng hóa tương tự) (VND)	Tờ khai hải quan (nếu có)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Ngày tháng năm
Đại diện hợp pháp nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Cột (2) đến (4): ghi thông tin theo yêu cầu trong E-HSMT
- Cột (5): ghi mã HS theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Y tế.
- Cột (6): ghi 4 số đầu tiêu của bộ mã. Trường hợp không xác định được mã HS thì thuyết minh tính tương tự của hàng hóa tại cột (13).
- Cột (7) (8): số thứ tự, tên của hàng hóa tương tự trong hợp đồng.
- Cột (9): ghi số hợp đồng, ngày ký của hợp đồng tương tự.
- Cột (10): giá trị hàng hóa theo hợp đồng tương tự.
- Cột (11): giá trị đã thực hiện (được xác định theo biên bản thanh lý, biên bản nghiệm thu hoặc bảng kê hoá đơn).
- Cột (12): ghi số tờ khai hải quan của hàng hóa nhập khẩu (nếu có)
- Cột (13): ghi tài liệu chứng minh mã HS (hoặc thuyết minh tính chất tương tự của hàng hóa).

1.3.2. Mẫu Bảng danh mục hàng hóa dự thầu

3																			
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

..., ngày tháng ... năm

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Các cột (2), (3), (4), (5) ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa theo E-HSMT;

Các cột (6), (8), (9), (10), (11), (12), (15), (17) ghi thông tin sản phẩm tham dự thầu phù hợp với tài liệu lưu hành và thông tin đã được kê khai trên công báo hiêm để xin cấp mã theo QĐ 5086/QĐ-BYT;

Các cột (7), (13), (14), (16) ghi thông tin sản phẩm tham dự thầu;

*Cột (15): hàng hóa được cấp nhiều theo QĐ 5086/QĐ-BYT thì ghi đầy đủ các mã, **cách nhau bằng dấu “;”** và không có khoảng trắng.*

Cột (18): Đối với hàng hóa có tuổi thọ ≤ 12 tháng, ghi tuổi thọ hàng hóa (ví dụ: “12 tháng”; “9 tháng”) Đối với hàng hóa có tuổi thọ >12 tháng, để trống nội dung này.

1.3.3. Bản cam kết.

- Nhà thầu phải có bản cam kết khi tham dự thầu theo mẫu tại Phụ lục 03.

PHỤ LỤC 03
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Bệnh viện Da Liễu

Sau khi nghiên cứu E-HSMT của gói thầu [ghi tên gói thầu] do Bệnh viện Da liễu làm Chủ đầu tư.

Chúng tôi, [ghi tên nhà thầu], cam kết các nội dung sau:

1. Cam kết về các dịch vụ sau bán hàng: Nhà thầu cam kết có năng lực thực hiện các dịch vụ sau bán hàng. Nếu hàng hóa xảy ra việc không đáp ứng yêu cầu về một trong những yếu tố như: chất lượng, chủng loại, số lượng, khối lượng... như đã nêu trong hợp đồng, hồ sơ mời thầu và hồ sơ thầu dự thầu của nhà thầu, trong vòng tối đa 24-48 giờ nhà thầu sẽ cung cấp hàng hóa mới cùng loại để thay thế. Trong trường hợp này, nhà thầu có trách nhiệm thu hồi hàng hóa không đạt yêu cầu.
2. Cam kết về tiến độ: Trong 12 tháng kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.
3. Cam kết cung cấp cho Chủ đầu tư tài liệu về số lưu hành trang thiết bị y tế (đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu thuộc loại C, D) còn hiệu lực, có công chứng hoặc chứng thực khi có yêu cầu.
4. Cung cấp Tờ khai hải quan tại thời điểm nhập hàng hóa khi có yêu cầu (đối với các hàng hóa nhập khẩu).
5. Hàng hóa cung cấp phải đảm bảo đầy đủ số lượng, chất lượng, kỹ thuật, quy cách hàng hóa và giao hàng tại kho của Bệnh viện.
6. Thời hạn giao hàng là 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bệnh viện.
7. Hạn dùng của hàng hóa: Đối với hàng hoá có hạn sử dụng từ 2 năm trở lên, khi giao hàng phải còn hạn sử dụng tối thiểu 12 tháng. Đối với các loại hàng hoá có hạn sử dụng từ 01 năm đến dưới 02 năm khi giao hàng còn hạn dùng tối thiểu 06 tháng. Đối với các loại hàng hoá có hạn dưới 01 năm, khi giao hàng phải còn ½ hạn sử dụng của hàng hoá.
8. Thu hồi và đổi trả nếu hàng hóa bị lỗi do nhà sản xuất và lỗi do quá trình vận chuyển đến kho của **Bệnh viện Da Liễu** hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư.
9. Các tài liệu trong hồ sơ dự thầu này đều chính xác, nếu có dấu hiệu gian lận hoặc không trung thực thì HSMT xem như không hợp lệ.
10. Nhà thầu cam kết cung cấp mã dùng chung theo quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y Tế, nếu trường hợp Bảo hiểm xã hội xuất toán thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi hoàn cho Bệnh viện số tiền tương ứng với số lượng vật tư y tế tiêu hao – hóa chất đã sử dụng trước đó.
11. Chịu trách nhiệm giải trình về giá các mặt hàng tham dự thầu với cơ quan chức năng khi có yêu cầu

12. Cam kết hỗ trợ:

+ **Đối với các phần lô** Hóa chất theo máy hoặc vật tư có sử dụng máy: Nhà thầu cam kết hỗ trợ đặt máy để chạy hóa chất trong trường hợp nhà thầu được lựa chọn

trúng thầu trong thời gian thực hiện hợp đồng. Chất lượng máy có CO, CQ, TKHQ theo quy định. Số lượng máy cho mượn sẽ thỏa thuận trong quá trình hoàn thiện ký kết hợp đồng

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trên

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

(ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mục 2. Bản vẽ: Không có.

Mục 3. Kiểm tra hàng hóa

Các kiểm tra cần tiến hành gồm có:

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra đối chiếu hàng hóa cung cấp để khẳng định tính phù hợp của hàng hóa cung cấp với các đặc tính, thông số kỹ thuật hàng hóa của hợp đồng. Chủ đầu tư không phải chịu các phí phát sinh.

- Nếu các hàng hóa qua kiểm tra mà không phù hợp với các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật thì Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng (nhà cung cấp phải thay thế các hàng hóa khác hoặc đưa ra những sửa đổi cần thiết để đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật và miễn phí hoàn toàn). Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hoặc thay thế không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền ngưng thực hiện hợp đồng và tổ chức việc thay thế nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu.